

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HS-PT

Ngày 12 - 7 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Sơn

Bà Nguyễn Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại điểm cầu Trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình và điểm cầu thành phần phòng xét xử trực tuyến tại Trại tạm giam Công an tỉnh N phúc thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 45/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Minh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2024/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Minh T, sinh năm 1984 tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: xóm H, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Văn X** (đã chết) và bà **Lê Thị Q**; chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự: tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 36/QĐ-XPHC ngày 19/01/2015 của Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, bị cáo chưa chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên; nhân thân:

+ Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 19 ngày 01/6/2001 của Công an phường T, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo.

+ Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 06/6/2001 của Công an

phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 50.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”

+ Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 16 ngày 28/6/2001 của Công an phường Đ, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 150.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/HSST ngày 13/11/2001 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xử phạt Phạm Minh T 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”

+ Tại Quyết định số 2297/QĐ-UB ngày 24/9/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh N đưa Phạm Minh T vào cơ sở giáo dục bắt buộc, thời hạn 24 tháng, ngày 06/8/2006 bị cáo chấp hành xong.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2008/HSST ngày 19/9/2008 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xử phạt Phạm Minh T 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 12/12/2023 đến ngày 20/12/2023 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay (có mặt).

- Ngoài ra trong vụ án có 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm Minh T là đối tượng sử dụng ma túy, thông qua các mối quan hệ xã hội, T có được số điện thoại của một người đàn ông tên N, không rõ lai lịch, địa chỉ có ma túy để bán. Do có nhu cầu sử dụng Heroine nên khoảng 16 giờ ngày 12/12/2023, Phạm Minh T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ (máy điện thoại Tân mượn của anh trai là Phạm Ngọc T1 và lắp sim điện thoại số 0967.165.135 của T vào máy điện thoại) gọi đến số thuê bao 0815.959.967 cho người đàn ông tên là N hỏi mua 200.000 đồng ma túy loại Heroine thì N đồng ý và hẹn T gặp nhau tại khu vực gần sân bóng Chính G thuộc tổ A, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình để mua bán ma túy. Sau khi gọi điện thoại cho N, T đi bộ đến gần khu vực cầu T thuộc xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình thì gặp anh Đàm Mạnh H là bạn bè, quen biết vừa đi xe mô tô đến. T nhờ anh H chở T lên thành phố T, tỉnh Ninh Bình để giải quyết việc cá nhân, anh H đồng ý. T không nói cho anh H biết việc T lên thành phố T, tỉnh Ninh Bình để mua ma túy. Theo sự chỉ dẫn của T, anh H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 14H3-1145 chở T đến gần sân bóng Chính G thì T nhìn thấy

người đàn ông lạ mặt Tân nghĩ là **N** đang có mặt tại đó. **T** bảo anh **H** dừng xe lại đợi **T** còn **T** xuống xe đi bộ đến gặp người đàn ông hỏi đúng là người bán ma túy tên là **N**. Sau khi **T** xuống xe, anh **H** vòng xe quay lại và đứng cách vị trí **T** và người đàn ông tên **N** khoảng 10 mét để đợi **T**.

Khi gặp người đàn ông tên **N**, **T** đưa cho **N** số tiền 200.000 đồng thì **N** đưa lại cho **T** 01 bao thuốc lá Thăng Long màu vàng đã bóc một đầu có gói ma túy bên trong. Sau đó **N** điều khiển xe mô tô bỏ đi còn **T** cầm bao thuốc lá đã bóc một đầu bên trong có gói ma túy trên tay trái đi lại chỗ anh **H** đang đứng đợi.

Hồi 16 giờ 50 phút cùng ngày khi **T** vừa ngồi lên xe mô tô thì bị Tổ công tác Công an phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình phát hiện, đến yêu cầu kiểm tra. Tổ công tác hỏi **T** đang cầm đồ vật gì trên tay trái thì **T** khai nhận đang cầm bao thuốc lá Thăng Long bên trong bao thuốc lá T2 có 01 gói ma túy Heroine của **T** vừa mua được để sử dụng cho bản thân. **T** tự giác giao nộp bao thuốc lá cho tổ công tác. Tại chỗ, tổ công tác kiểm tra bao thuốc lá T2 do **T** giao nộp xác định: bao thuốc lá Thăng Long màu vàng đã bóc một đầu, bên trong có 01 điều thuốc lá và 01 gói giấy màu trắng, mở gói giấy kiểm tra phát hiện bên trong có chất bột dạng cục màu trắng, **T** khai đó là ma túy loại Heroine. Tổ công tác đã tiến hành niêm phong gói giấy màu trắng bên trong có chất bột dạng cục màu trắng thu giữ của **T** theo quy định pháp luật và đưa **T** cùng vật chứng thu giữ về trụ sở Công an phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình lập biên bản niêm phong vật chứng và biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Ninh Bình tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng chất bột dạng cục màu trắng bên trong gói giấy thu giữ của **T** có khối lượng là 0,13 gam (ký hiệu M) gửi giám định.

Tại ấn "Bản kết luận giám định số 21/KL-KTHS-MT ngày 20/12/2023 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: “Mẫu chất bột dạng cục màu trắng ký hiệu M có khối lượng 0,1323 gam, là ma túy, loại Heroine. Heroine là chất ma túy thuộc danh mục IA, số thứ tự 9, Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ”.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Ninh Bình tiến hành niêm phong và kiểm tra chiếc điện thoại di động thu giữ của Phạm Minh T, xác định: Chiếc điện thoại di động thu giữ nhãn hiệu OPPO, màu đỏ đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 sim điện thoại di động V, số thuê bao 0967.165.135 đăng ký chủ thuê bao Phạm Minh T. Nhật ký cuộc gọi còn lưu giữ lịch sử 04 cuộc gọi giữa số điện thoại 0967.165.135 với số điện thoại 0815.959.967 (**T** xác nhận đây là số điện thoại của người đàn ông tên **N** mà **T** đã gọi hỏi mua ma túy). Theo yêu

cầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra, ập "Tập đoàn B - Chi nhánh thành phố T đã cung cấp thông tin chính chủ số thuê bao 0815.959.967 là bà Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 01/01/1962 địa chỉ xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Ngày 15/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Ninh Bình đã ra ết"quyết định ủy thác cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp để làm rõ đặc điểm nhân thân và xác định bà Nguyễn Thị Đ có liên quan đến hành vi mua bán ma túy cho Phạm Minh T vào ngày 12/12/2023 không?. Kết quả ủy thác điều tra xác định: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 01/01/1962 có đăng ký thường trú tại ập T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nhưng không còn sinh sống tại địa chỉ trên, hiện ở đâu, làm gì không rõ?.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2024/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã xét xử và quyết định: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Phạm Minh T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Phạm Minh T 17 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 12/12/2023.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, bị cáo Phạm Minh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa bị cáo Phạm Minh T vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa phúc thẩm sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Minh T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt tù; xử phạt bị cáo Phạm Minh T 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 12/12/2023.

Bị cáo Phạm Minh T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 06 tháng 5 năm 2024, bị cáo **Phạm Minh T** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của bị cáo là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Phạm Minh T** thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ vật chứng, Bản kết luận giám định số 21/KL-KTHS-MT ngày 20/12/2023 của **Phòng K Công an tỉnh N** và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên đủ căn cứ kết luận: Hồi 16 giờ 50 phút ngày 12/12/2023, tại khu vực sân bóng **Chính G, ngõ C, đường N thuộc tổ A, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình**, **Phạm Minh T** đã có hành vi tàng trữ 0,1323 gam ma túy loại Heroine để sử dụng bị **Công an phường B, thành phố T** phát hiện bắt quả tang. Hành vi nêu trên của bị cáo **Phạm Minh T** đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo **Phạm Minh T** xin được giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép các chất ma túy là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, là nguyên nhân dẫn đến những hành vi vi phạm pháp luật khác, gây ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an xã hội. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo 17 tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm gia đình bị cáo xuất trình thêm các tài liệu, chứng cứ mới, gồm có: mẹ đẻ bị cáo là thanh niên xung phong có thành tích trong kháng chiến chống Mỹ; đơn có xác nhận bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần được xem xét áp dụng cho bị cáo. Do vậy kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Phạm Minh T** có căn cứ chấp nhận, cần sửa bản án sơ thẩm để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo **Phạm Minh T** được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phạm Minh T**, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2024/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt tù;

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Minh T** 12 (mười hai) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 12/12/2023.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo **Phạm Minh T** không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 12/7/2024.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội (1 bản);
 - VKSND cấp cao tại Hà Nội (1 bản);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (3 bản);
 - Phòng kiểm tra nghiệp vụ THA (1 bản);
 - TAND thành phố Tam Điệp (4 bản);
 - VKSND thành phố Tam Điệp (1 bản);
 - CA thành phố Tam Điệp (1 bản);
 - Chi cục THADS thành phố Tam Điệp (1 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh (1 bản);
 - Trại tạm giam (1 bản);
 - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (1 bản);
 - Bị cáo (1 bản);
 - Lưu hồ sơ (2 bản);
 - Lưu tòa và Tổ hành chính tư pháp (02 bản).
- (Thông báo chính quyền địa phương
nơi bị cáo cư trú).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Hiệp

